

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2022/DS-ST

Ngày: 19-10-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Lại.
2. Ông Nguyễn Văn Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hồ Nguyễn Diệu H, sinh năm: 1991; Địa chỉ: Khu phố X, Phường Y, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1960; Địa chỉ: Khu phố X, Phường Y, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 25-4-2022) (có mặt).

2. Bị đơn:

- Chị Trần Thị Mỹ D, sinh năm: 1982 (có mặt);

- Anh Nguyễn Hồng T, sinh năm 1980; (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Đặng Quốc T1, sinh năm 1989; Địa chỉ: Khu phố X, Phường Y, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

NỘI D VU ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 17-3-2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hồ Nguyễn Diệu H trình bày:**

Từ năm 2018, chị Trần Thị Mỹ D nhiều lần vay tiền của chị, cụ thể:

- Ngày 13-3-2018: vay 40.000.000 đồng; Ngày 17-10-2019: vay 110.000.000 đồng; Ngày 13-5-2020: vay 50.000.000 đồng; Ngày 15-5-2020: vay 50.000.000 đồng. Các khoản vay này đều thỏa thuận khi nào chị cần sẽ báo để chị D trả; Ngày 27-02-2020: vay 250.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng. Chị D vay các khoản tiền này để xoay sở đặt cọc mua bán đất, mua xe ô tô, làm hàng rào....Ngày 17-3-2021: vay 800.000.000 đồng, thời hạn vay 05 ngày, mục đích vay để làm thủ tục đáo hạn ngân hàng cho em gái. Tất cả các lần vay tiền này đều thỏa thuận miệng lãi suất là 03%/tháng.

Ngoài các khoản vay có lập giấy nợ viết tay nêu trên thì chị D còn vay hai khoản vay khác nhưng chỉ thỏa thuận miệng, không lập văn bản, gồm:

- Ngày 27-9-2021, chị D vay 800.000.000 đồng để làm thủ tục đáo hạn Ngân hàng cho em gái, chị giao tiền mặt cho chị D, chị D T1 toán bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của chồng chị là Đặng Quốc T1 mở tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – chi nhánh thành phố Tây Ninh (Sacombank).

- Ngày 05-11-2021, vay 20.000.000 đồng để xoay sở lúc gia đình chị D có tang sự, chị chuyển khoản cho chị D vào ngày 05-11-2021 thông qua tài khoản cá nhân.

Đối với hai khoản vay này, chị D hẹn trả sau vài ngày, lãi suất vẫn thỏa thuận miệng 03%/tháng.

Tổng cộng, chị D đã vay của chị số tiền là 2.120.000.000 đồng

Tính đến hiện tại, chị D đã T1 toán được 02 khoản vay 800.000.000 đồng ngày 27-9-2021, 800.000.000 đồng ngày 17-3-2021, 200.000.000 đồng cho khoản vay 250.000.000 đồng ngày 27-02-2020 (qua hình thức chuyển khoản) và 20.000.000 đồng cho khoản vay 50.000.000 đồng ngày 15-5-2020 (nhận trực

tiếp), tổng cộng đã T1 toán 1.820.000.000 đồng.

Ngày 17-01-2022, chị D nhắn tin qua tài khoản Zalo và xác nhận vẫn còn nợ chị 300.000.000 đồng. Đối với nợ lãi, chị D đã T1 toán được 54.800.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng.

Theo đơn khởi kiện, chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị D, anh T phải có nghĩa vụ trả số tiền 300.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 01-12-2021- là ngày chị D ngưng không trả lãi - cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Sau khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa, chị H yêu cầu tính lãi từ ngày vay tương ứng mỗi khoản vay cho đến khi Tòa án xét xử vụ án, khấu trừ số tiền lãi đã nhận là 54.800.000 đồng, thì phải T1 toán là 34.034.000 đồng.

Chị xác định các lần cho vay tiền không có mặt anh T, anh T không ký và xác nhận các khoản vay, tuy nhiên, mục đích vay tiền là để phục vụ cho việc đặt cọc mua bán đất, mua xe ô tô, xây hàng rào...nên anh T phải biết rõ các khoản vay này. Thời gian sau này, anh T có liên lạc với chị để xin tiền lãi và hứa thu xếp trả. Do đó, anh T phải cùng liên đới với chị D thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: các giấy nợ viết tay, ảnh chụp tin nhắn Zalo, sao kê ngân hàng.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - chị Trần Thị Mỹ D - trình bày:**

Chị thống nhất có vay của chị H các khoản vay có lập giấy nợ viết tay và khoản vay 20.000.000 đồng ngày 05-11-2021 không lập giấy nợ như chị H trình bày (riêng khoản vay 250.000.000 đồng chị không nhớ ngày vay), tuy nhiên, mục đích vay là để xoay sở, chi tiêu trong gia đình và đóng lãi cho chị H chứ không phải để đặt cọc mua bán đất, mua xe ô tô, làm hàng rào..., lãi suất thỏa thuận 50.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng. Riêng khoản vay 800.000.000 đồng ngày 17-3-2021, chị vay cho em gái ruột là Trần Thị Mỹ H đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay là 05 ngày với tiền lãi là 20.000.000 đồng. Chị H trình bày chị vay 800.000.000 đồng vào ngày 27-9-2021 không có làm giấy nợ là không đúng, chị không có vay khoản vay này.

Hiện, chị đã T1 toán hết các khoản vay nêu trên, cụ thể chuyển khoản trả 700.000.000 đồng (gồm 500.000.000 đồng nợ gốc và 200.000.000 đồng nợ lãi)

vào ngày 28-9-2021 và chuyển khoản T1 toán 800.000.000 đồng vào ngày 26-3-2021. Đối với số tiền 20.000.000 đồng ngày 05-11-2021, chị đã chuyển khoản T1 toán 18.000.000 đồng vào ngày 20-12-2021 và trả tiền mặt trực tiếp 2.000.000 đồng. Như vậy, chị đã T1 toán xong nợ, do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, chị không đồng ý.

Ngoài ra, đối với số tiền 200.000.000 đồng chị chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của chị H vào ngày 27-02-2020 là T1 toán cho khoản vay 200.000.000 đồng (số tiền này anh T1 chuyển khoản cho chị vay ngày 16-01-2020 qua tài khoản cá nhân của anh T1).

Đối với số tiền 100.000.000 đồng chị chuyển khoản cho anh T1 ngày 26-10-2021 là tiền lãi.

Tổng các khoản tiền lãi chị đã trả cho chị H là 305.500.000 đồng, chị không nhớ cách tính lãi như thế nào.

Đối với các tin nhắn Zalo như chị H cung cấp: Về việc vay số tiền 800.000.000 đồng vào ngày 28-9-2021: Chị xác định có nhắn tin hỏi vay nhưng sau đó không vay số tiền 800.000.000 đồng ngày 27-9-2021; Về tin nhắn xác định số nợ 300.000.000 đồng: do chị H tự nhắn tin nói chị nợ chị H 300.000.000 đồng, chị sợ người nhà biết việc chị nợ nần nên chị H nói gì chị cũng đồng ý, sự thật chị không còn nợ số tiền này.

Các khoản vay là nợ riêng của chị, anh T không biết và không liên quan.

*** Bị đơn – anh Nguyễn Hồng T – trình bày:**

Thời gian khoảng đầu năm 2022, chồng chị H là anh T1 có gọi điện thoại hỏi anh có biết việc chị D vay tiền của chị H không, anh trả lời là không biết. Sau khi hỏi lại chị D thì anh được biết chị D có vay tiền chị H nhưng đã T1 toán xong. Anh cũng không biết chị D vay tiền vào mục đích gì vì mọi sinh hoạt, chi tiêu trong gia đình vẫn diễn ra bình thường. Ngoài công việc công chức, anh còn canh tác 4,5 ha đất ruộng, hơn 02 ha đất mỳ, đất cao su...nên thu nhập ổn định. Anh không biết việc vay tiền giữa chị H và chị D, không ký tên vay nợ cũng như không liên hệ hay gặp trực tiếp chị H để hỏi vay tiền. Do đó, anh không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của chị H,

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Đặng Quốc T1 – trình bày:** Thống nhất ý kiến chị H, không có tranh chấp trong vụ án.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đều đã tuân thủ theo đúng quy định.

Về nội D: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Nguyễn Diệu H đối với chị Trần Thị Mỹ D về việc yêu cầu chị Trần Thị Mỹ D trả số tiền vay gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày chị D vi phạm nghĩa vụ trả lãi là ngày 01-12-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm; Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Nguyễn Diệu H đối với chị Trần Thị Mỹ D về việc yêu cầu chị Trần Thị Mỹ D trả tiền lãi của từng khoản vay cụ thể với mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày chị D vay tiền đến ngày 30-11-2021; Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Nguyễn Diệu H đối với chị Trần Thị Mỹ D và anh Nguyễn Hồng T về việc yêu cầu anh Nguyễn Hồng T có nghĩa vụ liên đới cùng chị D T1 toán nợ gốc, lãi nêu trên cho chị H; Các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn - anh Nguyễn Hồng T - vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Nguyễn Hồng T.

[2] Về nội D:

[2.1] Về xác định số tiền nợ gốc:

[2.1.1] Chị H và chị D thống nhất số nợ gốc tổng cộng là 1.320.000.000 đồng theo các giấy nợ lập ngày 13-3-2018 (40.000.000 đồng), ngày 17-10-2019 (110.000.000 đồng), ngày 13-5-2020 (50.000.000 đồng), ngày 15-5-2020 (50.000.000 đồng); khoản vay 250.000.000 đồng không rõ thời gian vay, ngày 17-3-2021 (800.000.000 đồng) và khoản vay 20.000.000 đồng ngày 05-11-2021 không có lập giấy tờ.

Tuy nhiên, ngoài các khoản vay trên, chị H xác định chị D còn vay 800.000.000 đồng ngày 27-9-2021 không lập giấy tờ, trong khi chị D không thừa nhận khoản vay này.

[2.1.2] Chị D cho rằng mình chỉ nợ 1.300.000.000 đồng nhưng chuyển trả đến 1.500.000.000 đồng và xác định trong đó có 200.000.000 đồng là nợ lãi. Ngoài ra, chị D còn chuyển khoản số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 26-10-2021 cho tài khoản cá nhân của anh Đặng Quốc T1 và cũng xác định đây là T1 toán nợ lãi. Tuy nhiên, chị D không có căn cứ xác định việc tính lãi, không chứng minh có thỏa thuận chốt việc T1 toán lãi giữa chị và chị H đối với 300.000.000 đồng tiền lãi này.

Dựa vào các ảnh chụp tin nhắn Zalo và các sao kê ngân hàng do chị H cung cấp cũng thể hiện: Tại bút lục số 26, chị D xác nhận chị và chị H có thỏa thuận việc “tiền vốn chuyển trả vào tài khoản của chồng chị H và tiền lãi chuyển trả vào tài khoản của chị H”. Tuy nhiên, tại Bút lục số 120, chị trình bày số tiền lãi là 200.000.000 đồng và 100.000.000 đồng lại được chuyển trả vào tài khoản của anh T1. Tại Bút lục số 121, chị D trình bày có chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của chị H số tiền nợ gốc là 18.000.000 đồng để T1 toán cho khoản vay 20.000.000 đồng không lập giấy tờ, nhưng tại Bút lục 119, chị D lại trình bày ngoài số tiền 200.000.000 đồng thì tất cả các số tiền còn lại chị chuyển khoản vào tài khoản của chị H đều là tiền lãi.

Như vậy, chị D xác định là tiền lãi nhưng không trình bày rõ được căn cứ xác định lãi, không có chứng cứ chứng minh là trả nợ lãi, các giao dịch cũng không thể hiện rõ nội dung chuyển khoản. Đồng thời, lời khai của chị D có sự mâu thuẫn, không thống nhất và không phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ nên không có giá trị để xác định bản chất của các số tiền đã chuyển trả là gốc hay lãi như chị D trình bày. Trong khi nguyên đơn xác nhận các số tiền 200.000.000 đồng chuyển trả vào ngày 28-9-2021 và số tiền 100.000.000 đồng chuyển trả vào ngày 26-10-2021 cho tài khoản cá nhân của anh Đặng Quốc T1 đều là nợ gốc.

[2.1.3] Chị H cung cấp các nội dung ảnh chụp màn hình tin nhắn Zalo giữa chị và chị D, có sự xác nhận của chị D về việc có các tin nhắn này, cụ thể:

- **Tại Bút lục số 23:** ngày 06-9-2021, chị D nhắn: “*Em ơi nói với T1 dùm chị giúp c cho chị mượn đỡ 800 triệu c trả vô ngân hàng. Tại lần này c vay có 6 tháng....Cho chị mượn trả vô lần này vay mau hơn c trả lại liền tới 27/9 c trả.*”

- **Tại Bút lục số 19:** ngày 28-9-2021, chị D nhắn: “*Chiều nay có tiền rồi em. C chuyển trước 700. Cho T1. Tại tách làm 2 hồ sơ vay đồng. Rồi làm hồ sơ xong chuyển tiếp 100 nhé e ơi.*”

- **Tại Bút lục số 24:** thể hiện nội dung hội thoại như sau:

Chị H nhắn: “*Chieu c chuyển cho aT1 100 ha c; Tiền 700tr hôm bua 1 ngày Tiền 100tr bua c lấy ngày 26/9 nay 1 tháng đó c; Thôi tính c tiền 4% nha. Phần 100tr tròn 1 tháng c gửi aT1 4tr tiền lời nha....Còn tiền 700tr ngày c gửi phụ a 1trieu nha. Cug tính như tiền 4% chứ ko phải tiền ngày c. A phá tiền gửi tiết kiệm rút ra đưa c hết 500 mấy tiền phí. Nên c gửi hết tổng cộng 5trieu5 nha c...*”

Chị D nhắn: “*Ừ e; Cảm ơn e...*”

Chị D xác định đây đúng là các tin nhắn giữa chị và chị H, có hỏi vay của chị H 800.000.000 đồng với mục đích để đáo hạn ngân hàng nhưng sau đó không có vay (Bút lục 120). Tuy nhiên, các nội D tin nhắn nêu trên thể hiện có sự thỏa thuận cho vay 800.000.000 đồng giữa chị H và chị D, thể hiện quá trình chị D T1 toán số tiền 800.000.000 đồng chia thành 02 đợt 700.000.000 đồng và 100.000.000 đồng, phù hợp như lời khai của chị H. Đồng thời, chị H cung cấp sao kê sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của chồng chị là anh Đặng Quốc T1 từ ngày 01-5-2021 đến ngày 06-7-2022 tại Ngân hàng Sacombank thể hiện: Vào ngày 27-9-2021, anh T1 có rút số tiền 1.423.742.976 đồng từ tài khoản tiết kiệm và nộp lại vào tài khoản cá nhân số tiền 563.743.000 đồng. Giao dịch này phù hợp nội dung các tin nhắn nêu trên về việc anh T1 “phá tiền gửi tiết kiệm” để rút tiền ra cho chị D vay (Bút lục 24, 22, 131, 132, 133, 134) và chị D có chuyển khoản số tiền 5.500.000 đồng phụ tiền lãi cho anh T1 (Bút lục 25). Ngoài ra, Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương - chi nhánh Tây Ninh cũng cung cấp thông tin thể hiện việc Ngân hàng có cho chị Trần Thị Mỹ H (em ruột chị D) vay tiền, có “... khoản nợ giải ngân 700.000.000 đồng, ngày giải ngân 22-4-2021, ngày trả nợ 22-10-2021; Khoản nợ giải ngân 1.300.000.000 đồng, ngày giải ngân 28-9-2021, ngày trả nợ 28-3-2022...”, điều này phù hợp lời trình bày của chị H về thời điểm cho chị D vay và được T1 toán lại số tiền 800.000.000 đồng.

Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự về “Hợp đồng vay tài sản” thì: “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao*

tài sản cho bên vay... ”. Quy định của Bộ luật Dân sự không bắt buộc hình thức của hợp đồng vay tài sản phải lập thành văn bản, tuy nhiên, khi phát sinh tranh chấp, đương sự yêu cầu giải quyết phải có nghĩa vụ chứng minh có sự thỏa thuận giữa các bên về việc vay tài sản. Ở đây, chị H trình bày việc cho vay khoản tiền 800.000.000 đồng không lập giấy tờ, tuy nhiên các chứng cứ chị H cung cấp như trên có sự phù hợp, liên quan nhau và có giá trị chứng minh sự tồn tại của khoản vay 800.000.000 đồng vào ngày 27-9-2021. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định khoản vay 800.000.000 đồng không lập giấy tờ vào ngày 27-9-2021 giữa chị H và chị D là có thật.

[2.1.4] Nội dung tin nhắn Zalo tại Bút lục số 36 vào lúc 14 giờ 39 phút ngày 17-01-2022 thể hiện nội D hội thoại như sau: Chị D: *“Giờ c thiếu e 300”*. Chị H: *“Tháng 10 c mượn aT1 đáo hạn ngân hàng đợt đó 800. C trả 700. Còn 100tr. C bị kẹt lại. Roi tính tiền lời tổng hết 5,5tr....”*

Chị D thừa nhận đây là tin nhắn giữa chị và chị H, chị D cho rằng việc chị thừa nhận còn nợ chị H 300.000.000 đồng là do sợ người ngoài biết việc chị nợ nần. Tuy nhiên, việc chị D cho rằng chị không tự nguyện thừa nhận nợ lại không có chứng cứ chứng minh. Do đó, lời trình bày này của chị D chỉ có ý nghĩa xác định có việc chị xác nhận nợ 300.000.000 đồng với chị H. Đồng thời, sự thừa nhận này cũng phù hợp với số nợ còn lại sau khi lấy tổng nợ khấu trừ đi số nợ đã T1 toán theo lời trình bày của nguyên đơn nên việc xác định hiện chị D vẫn còn nợ chị H số tiền 300.000.000 đồng như chị H trình bày là hoàn toàn có cơ sở.

[2.2] Xét yêu cầu của chị H về việc trả lãi, thấy rằng:

[2.2.1] Trong đơn khởi kiện, chị H yêu cầu T1 toán số tiền lãi từ ngày 01.12.2021 theo mức lãi suất 20%/năm cho đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa, chị H yêu cầu T1 toán tiền lãi từ ngày vay đến ngày xét xử vụ án tương ứng từng khoản vay với mức lãi suất 0,83%/năm, khấu trừ đi số tiền lãi đã nhận, tiền lãi yêu cầu trả là 34.034.000 đồng.

Việc bổ sung yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên căn cứ quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2.2] Ngoài các khoản lãi chị H thừa nhận, chị D không có chứng cứ chứng minh đã đóng lãi cho chị H. Tuy nhiên, căn cứ vào nội dung tin nhắn Zalo giữa chị H và chị D ngày 17-01-2022 (đã được các đương sự thừa nhận có các tin nhắn này) tại bút lục số 34, 35, 36, 37, thấy rằng, chị H và chị D thỏa thuận tính toán lãi đóng theo hàng tháng, nội dung tin nhắn cho thấy chị H chỉ nhắc chị D đóng thiếu tiền lãi tháng 10 và hiện chị D chưa T1 toán lãi tháng 12, tháng 1, điều này có căn cứ xác định chị D đã thực hiện nghĩa vụ đóng lãi đầy đủ các tháng trước đó. Do đó, chỉ có cơ sở xem xét yêu cầu tính lãi của chị H từ thời gian chị D ngưng đóng lãi là tháng 12-2021 cho đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án.

[2.2.3] Chị H và chị D thừa nhận việc cho vay có lãi, tuy nhiên các bên không thống nhất về mức lãi suất, giấy nợ không thể hiện mức lãi suất. Do đó, căn cứ quy định tại các Điều 469, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 5 Nghị quyết 01/2019/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng của chị H là có cơ sở chấp nhận.

Cụ thể, tiền lãi phải trả là: $0,83\% / \text{tháng} \times 300.000.000 \text{ đồng} \times 10 \text{ tháng}$ 18 ngày (từ 01.12.2021 đến ngày 19.10.2022) = 26.394.000 đồng.

[2.3] Về trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ

Chị H cung cấp chứng cứ là giấy nợ viết tay chỉ có chữ ký xác nhận nợ của chị D, các tin nhắn Zalo cũng chỉ là hội thoại giữa chị D và chị H, cũng như cả chị H và anh T1 đều xác định lúc cho chị D vay tiền, không có mặt anh T, anh T không biết. Anh T trình bày không biết các khoản vay này, các tin nhắn do chị H cung cấp không phải của anh. Xét thấy, các khoản vay hình thành trong thời kì hôn nhân, tuy nhiên đây là các khoản vay lớn, không có căn cứ xác định rõ mục đích vay, cũng không chứng minh được nhằm phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình. Mặt khác, các khoản vay cũng không phải do vợ chồng cùng xác lập. Do đó, căn cứ quy định tại các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014, không có cơ sở buộc anh T cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ với chị D.

[2.4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của chị H được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nên chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5% trên số tiền phải trả, anh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, chị H phải chịu án phí đối với số tiền lãi không được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 91, 92, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 463, 468, 469, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 27, 37 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014;
- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Nguyễn Diệu H đối với chị Trần Thị Mỹ D và anh Nguyễn Hồng T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc chị Trần Thị Mỹ D có nghĩa vụ trả cho chị Hồ Nguyễn Diệu H số tiền **326.394.000 (ba trăm hai mươi sáu triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn) đồng** (trong đó, nợ gốc là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng và nợ lãi là 26.394.000 (hai mươi sáu triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn) đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Nguyễn Diệu H đối với số tiền lãi là 7.640.000 (bảy triệu sáu trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Nguyễn Diệu H về việc buộc anh Nguyễn Hồng T có nghĩa vụ liên đới cùng chị Trần Thị Mỹ D trả cho chị Hồ Nguyễn Diệu H số tiền 326.394.000 đồng nêu trên.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị Mỹ D chịu 16.319.700 (mười sáu triệu ba trăm mười chín nghìn bảy trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Hồ Nguyễn Diệu H chịu 382.000 (ba trăm tám mươi hai nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0017240 ngày 22-3-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị Hồ Nguyễn Diệu H được hoàn lại số tiền chênh lệch là 7.118.000 (bảy triệu một trăm mười tám nghìn) đồng.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Quyên

